

Sử dụng chỉ tiêu GNI?

TS. Nguyễn Quán

Khái niệm, nội dung GNI:

Trước khi trình bày khái niệm, nội dung của chỉ tiêu GNI, chúng ta xem xét số liệu GDP và GNI của Việt Nam và Hoa Kỳ công bố trên trang Web của World Bank như sau:

	Tỷ USD			
	2000		2008	
	GDP	GNI	GDP	GNI
Hoa Kỳ	9764,8	9708,4	14204,3	14466,1
Việt Nam	31,17	30,20	90,70	77,03

Nguồn: World Bank

Sở dĩ có sự khác nhau giữa GNI và GDP là do nội dung tính chỉ tiêu GNI khác với GDP. Do chúng ta đã rất quen với chỉ tiêu GDP, cho nên ở đây chúng tôi chỉ nêu lại khái niệm và nội dung tính chỉ tiêu GNI, từ cuốn Phương pháp biên soạn SNA ở Việt Nam của Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia (thuộc Tổng Cục Thống kê) biên soạn và xuất bản năm 2003.

“GNI phản ánh toàn bộ thu nhập từ sản xuất và các nhân tố sản xuất thuộc sở hữu quốc gia từ sản xuất trong nước sau khi đã cộng hoặc trừ thu nhập về lợi tức sở hữu từ các nhân tố sản xuất với nước ngoài: lao động, vốn, tài nguyên trong năm”.

Công thức tính chỉ tiêu GNI:

$$\text{GNI} = \text{GDP} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập lợi} \\ \text{tức từ các nhân} \\ \text{tố sản xuất} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi trả lợi tức} \\ \text{từ các nhân} \\ \text{tố sản xuất} \end{array}$$

Lợi tức từ các nhân tố sản xuất (còn gọi là thu nhập sở hữu) bao gồm:

- Thù lao của người lao động với nước ngoài;

- Lợi tức từ đầu tư từ sản xuất kinh doanh;
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay;
- Lợi tức đầu tư vào các giấy tờ có giá;
- Lợi tức từ cho thuê đất đai, vùng trời, vùng biển.

Thí dụ, thu nhập từ đầu tư vào hoạt động của mạng viễn thông Vietel ở Campuchia tuy được tính vào GDP của Campuchia, nhưng thu nhập của Vietel do hoạt động này ở Campuchia sẽ được tính vào GNI của Việt Nam. Ngược lại, các hoạt động của nhà máy Toyota ở Việt Nam cũng tạo nên VA ở Việt Nam, đóng góp vào GDP của Việt Nam, nhưng VA này không thuộc Việt Nam mà thuộc vào người chủ sở hữu là Toyota, mà Việt Nam phải chi trả lợi tức cho họ, và phần này trở thành Thu nhập lợi tức từ các nhân tố sản xuất của Toyota, tức là tính vào GNI của Nhật Bản.

Chính vì vậy, nhiều quốc gia, và ngay trong một quốc gia có những năm Thu nhập từ lợi tức từ các nhân tố sản xuất < Chi trả lợi tức từ các nhân tố sản xuất đã dẫn đến GNI < GDP. Năm 2008 với các nước thu nhập thấp GNI chỉ bằng 97,7% GDP, hay Việt Nam GNI cũng chỉ bằng 96,7%, hoặc Thái Lan chỉ có: 73,5% GDP. Do vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (năm chẳng hạn) để tích lũy, tiêu dùng, để dành,... nhằm ổn định và cải thiện đời sống dân cư, để phát triển sản xuất kinh doanh trong năm và các năm sau, để dành,... là từ GNI (chứ không phải từ GDP). Do đó nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế (đặc biệt là WB) rất quan tâm và sử dụng chỉ tiêu GNI trong việc nghiên cứu và đánh giá sự phát triển kinh tế-xã hội của các quốc gia. Cũng chính vì lẽ đó, nhiều quốc gia và nhiều nhà nghiên cứu cho rằng *GNI là chỉ tiêu thước đo quan trọng về sự thịnh vượng chung của một quốc gia.*

Nên sử dụng nhiều hơn, hiệu quả hơn GNI trong nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế-xã hội

Với nội dung của chỉ tiêu GNI, nên GNI trước hết cần được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà mỗi quốc gia đã tạo được trong một năm mà thuộc toàn quyền sở hữu của nó. Chính vì vậy, WB đã phân loại các nhóm nước theo thu nhập căn cứ vào GNI bình quân đầu người tính bằng USD năm 2007: chẳng hạn các nước có thu nhập thấp là các nước có GNI bình quân đầu người từ 935 USD trở xuống, các nước có chỉ tiêu này từ 935 USD đến dưới 11456 USD là các nước có thu nhập trung bình, còn từ 11.456 USD trở lên là các nước có thu nhập cao. Theo WB năm 2007 chỉ tiêu này của Việt Nam là: 770 USD, trong khi nhóm các nước Đông Á và Thái bình dương đạt: 2182 USD, còn các nước thu nhập thấp chỉ có: 574 USD. Như vậy, nước ta vẫn ở trong nhóm nước có thu nhập thấp, nhưng là nước có giá trị của chỉ tiêu gần với cận trên của nhóm, và cao hơn nhiều mức trung bình của các quốc gia trong nhóm.

GNI cùng với chỉ tiêu GDP có thể phân tích phần Thu nhập và Chi trả lợi tức phân theo các nhân tố sản xuất, thậm chí mỗi nhân tố trên lại phân theo các quốc gia chính mà mỗi quốc gia có quan hệ Thu nhập và Chi trả. Việc phân tích này sẽ thấy nhân tố sản xuất nào đóng góp nhiều vào Thu nhập hay Chi trả lợi tức, tỷ lệ của Lợi tức từ các nhân tố sản xuất mà mỗi quốc gia có quan hệ với quốc gia. Tất nhiên, để có thể nghiên cứu, phân tích này cần phải có chi tiết lợi tức từ các nhân tố sản xuất. Trong Đề án “Đổi mới các hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”, nếu chỉ dùng ở mức phân tổ gộp và thuần thì không đáp ứng được

nghiên cứu, phân tích này.

GNI là chỉ tiêu không thể thiếu để tính và phân tích chỉ tiêu Thu nhập quốc gia khả dụng (National disposable income - NDI); Nói khác đi, khi có chỉ tiêu GNI mới có thể tính được chỉ tiêu Thu nhập quốc gia thuần (Net National Income - NNI). Chỉ tiêu NNI phản ảnh tổng thu nhập từ sản xuất, từ lợi tức sở hữu, và từ chuyển nhượng hiện hành trong năm, là nguồn thu nhập dùng cho tiêu dùng cuối cùng và để dành của quốc gia.

$$NDI = NNI + \begin{matrix} \text{Thu chuyển} \\ \text{nhượng hiện} \\ \text{hành} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi chuyển} \\ \text{nhượng hiện} \\ \text{hành} \end{matrix}$$

Ở đây Thu nhập quốc gia thuần (NNI) chính là Thu nhập quốc gia trừ (-) Khấu hao tài sản cố định.

Từ chỉ tiêu NNI, chúng ta tiếp tục nghiên cứu và phân tích việc sử dụng NNI vào tiêu dùng cuối cùng và để dành (Sn). Mà tiêu dùng cuối cùng sẽ phản ảnh đời sống của dân cư có ổn định và cải thiện không (?); Có khả năng tích lũy nhiều hay ít, vì Để dành (Sn) là nguồn vốn quan trọng để tích lũy tài sản, để đầu tư.

Dưới đây là một vài tính toán, phân tích của WB đối với Việt Nam có so sánh với các nước thuộc nhóm thu nhập thấp, nhóm các nước Đông Á và Thái Bình dương, theo số liệu năm 2007 mà cơ sở để nghiên cứu, phân tích chính là chỉ tiêu GNI:

	Việt Nam	Nhóm nước Đông Á và Thái bình Dương	Nhóm nước thu nhập thấp
Để dành gộp/ GNI	34,8	22,9	23,2
Tiêu dùng TSCĐ/ GNI	12,3	12,6	12,8
Chi tiêu giáo dục/ GNI	3,4	4,5	4,4
Hao hụt năng lượng/GNI	11,6	4,9	9,8
Điều chỉnh để dành thuần/ GNI	15,2	30,6	5,8

Một vài nhận xét về quan hệ giữa hai chỉ tiêu GNI và GDP từ công bố của WB cho toàn thế giới từ năm 2000 đến 2008⁽¹⁾:

- Hiện tượng các nhân tố sản xuất của một quốc gia này lại hoạt động sản xuất kinh doanh ở các quốc gia khác đã có từ lâu và ngày càng phát triển nhất là các nước đang phát triển đang trong quá trình hội nhập quốc tế. Các nước đang phát triển do yêu cầu phát triển thiếu vốn, trình độ công nghệ vừa thiếu vừa lạc hậu và đội ngũ lao động có trình độ cao lại càng thiếu và càng thấp, nhưng các nước này lại thường có lực lượng lao động dồi dào dù cho tay nghề còn thấp, nhiều tài nguyên chưa được khai thác,...do đó các nước này đã có nhiều chính sách và biện pháp thu hút FDI và cả đầu tư gián tiếp, nhưng cũng có chương trình xuất khẩu lao động và ít nhiều cũng đầu tư ra nước ngoài. Nhưng với các nước phát triển, nước có thu nhập cao không chỉ đầu tư ra nước ngoài, mà còn tranh thủ các nước khác đầu tư vào nước mình. Chẳng thế, tổng FDI toàn thế giới năm 2007 đã đạt con số kỷ lục: 1900 tỷ USD, năm 2009 - năm chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, FDI vẫn đạt khoảng 1200 tỷ USD, chưa kể hàng trăm tỷ đầu tư gián tiếp, hàng chục triệu lao động đi làm ở nước ngoài, hay như Mỹ - nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, lại là nước thu hút nhiều FDI nhất thế giới, là con nợ lớn nhất thế giới. Riêng nước ta, từ 1988 đến cuối 2009 đã thu hút trên 185 tỷ USD từ FDI, chưa kể đầu tư gián tiếp, và cũng đầu tư ra nước ngoài trên 2 tỷ USD, xuất khẩu lao động hàng chục vạn người.

Cho nên, nếu phân theo nhóm nước theo thu nhập, trong 9 năm qua (2000-2008) nhóm nước nghèo và nợ nhiều nhất (Heavy indebted poor coun-

tries), nhóm nước thu nhập trung bình và thấp (Low and middle income) liên tục GDP>GNI, Với các nước liên tục GDP > GNI trên một góc độ nào đó chứng tỏ khả năng thu hút vốn đầu tư (chủ yếu là FDI), thu hút lực lượng lao động nước ngoài (nhất là lao động trình độ cao),... còn nhiều hạn chế, hội nhập quốc tế chưa nhiều,... Với các nước này, những nhà quản lý và điều hành đất nước nên lưu ý tới giá trị của GNI, vì đây mới là phần VA do sử dụng các yếu tố sở hữu của quốc gia được sản xuất ngay trong nước và ở nước ngoài trong một năm để từ đó mới đưa vào sử dụng cho tích lũy và tiêu dùng, để dành,... mà hoàn toàn không thuộc sở hữu của nước ngoài.

- Các nhóm nước khác như: nhóm nước có thu nhập cao (High income), thu nhập trung bình (Middle income),... có năm GNI> GDP, nhưng cũng có năm GDP > GNI. Tính chung cho Các nước có thu nhập cao (High income) các năm 2000, 2001, 2005, 2006 GNI>GDP, các năm còn lại thì GDP>GNI, vì là tính chung, cho nên nhiều quốc gia trong nhóm đó lại khác, như: Hoa Kỳ: từ 2000-2004 GDP>GNI, nhưng từ 2005-2008 GNI>GDP; hay Nhật Bản, liên tục từ 2001 đến 2008 GNI>GDP. Sự chênh lệch giữa hai chỉ tiêu này khá lớn, phụ thuộc vào hoạt động quy mô sản xuất kinh doanh của mỗi quốc gia và tỷ lệ giữa mối quan hệ giữa hai chỉ tiêu này (GNI/GDI, %). Chẳng hạn, Hoa Kỳ năm 2000, GDP lớn hơn GNI 2,5%, tương ứng 56,4 tỷ USD; năm 2008 GNI lớn hơn GDP.

- Các nước ASEAN: Tất cả các nước trong ASEAN đều nằm trong nhóm nước đang phát triển, tuy có mức độ khác nhau, nếu nghiên cứu mối quan hệ giữa hai chỉ tiêu GDP và GNI có những điểm

⁽¹⁾ WB tính và công bố chỉ tiêu GDP, GNI với 227 dòng số liệu, gồm tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ, các nhóm nước theo thu nhập, theo vùng địa lý,... Tuy nhiên do có những khó khăn nên một số quốc gia và vùng lãnh thổ không tính được, do vậy năm 2007 chỉ có 198 dòng là có số liệu.

đáng lưu ý sau: Việt Nam và Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a liên tục từ 2000 đến 2008 GDP>GNI; Campuchia, Lào, Xin-ga-po từ 2001 đến 2008 liên tục GDP>GNI; Brunây chỉ có số liệu từ 2000-2006, nhưng trong các năm này, trừ năm 2002, các năm còn lại GDP>GNI; Thái Lan các năm 2000, 2001 và 2005 GNI>GDP, các năm còn lại GDP>GNI; Đông Timo chỉ có số liệu từ 2002 đến 2008, tất cả các năm này đều GNI>GDP. Điều đáng lưu ý, Thái Lan trong các năm 2007-2008: tỷ lệ GNI so với GDP chỉ bằng 75,2% và 73,5% - đây là tỷ lệ rất thấp (nếu so với các nước nghèo nợ nhiều nhất thế giới, thì tỷ lệ là 88,2% và 86,5% của các năm 2007 và 2008) – có nghĩa là 1/4 GDP của Thái Lan tuy được tạo ra trên lãnh thổ Thái Lan, nhưng không thuộc quyền sở hữu của nước Thái Lan, mà thuộc nước ngoài; trong khi đó Đông Timo chẳng những GNI liên tục lớn hơn GDP, mà tỷ lệ GNI so với GDP rất lớn: 2005: 2,2 lần, 2007: 4,07 lần, 2008: 5,44 lần (đây là một tỷ lệ lớn, mà nước đứng thứ hai cũng chỉ có tỷ lệ GNI gần gấp 2 lần GDP), như vậy với Đông Timo, có thể chưa là vùng đất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư ở nước này, nhưng do nền kinh tế lạc hậu lực lượng lao động nước này làm việc ở nước ngoài ngày một tăng, các nhà đầu tư nước này tuy còn rất nhỏ bé, nhưng những yếu tố sở hữu của họ chỉ ít năm trước ở trên đất In-đô-nê-xia là của In-đô-nê-xia, thì nay mặc nhiên là của Đông Timo,..., bởi những người chủ sở hữu cũng chỉ ít năm trước là người In-đô-nê-xia thì nay là người Đông Timo cùng với tài sản của họ. Do nhiều nguyên nhân mà một phần đã lý giải trên,

nên Đông Timo có được GNI > GDP để họ tiêu dùng và tích lũy lớn hơn nhiều những hoạt động sản xuất kinh doanh trên đất nước họ và đã tạo nên GDP). Tuy nhiên, Đông Timo vẫn là quốc gia nghèo có thu nhập thấp. Việt Nam theo Tổng cục Thống kê và cũng theo WB liên tục từ nhiều năm nay GDP>GNI, và tỷ lệ GNI/GDP (%) các năm sau thường nhỏ hơn năm trước (theo WB, tỷ lệ các năm như sau: 2005: 97,2%, 2006: 97,0%; 2007: 95,3%; 84,9%).

Nhân đây, có một vấn đề cần suy nghĩ: Tỷ lệ GNI/GDP ngày càng nhỏ đi ở một quốc gia không (?). Cái “ngưỡng” của Tỷ lệ GNI/GDP là bao nhiêu % là hợp lý, và nếu vượt tỷ lệ đó thì nền kinh tế của quốc gia sẽ bị chi phối của nước ngoài như thế nào(!). ■

Tài liệu tham khảo:

Phương pháp biên soạn SNA ở Việt Nam, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội 2003.

World Bank, The Little Green Data Book, 2009.

http://ddp-

ext.worldbank.org/ext/DDPQQ/member.do?method=getMembers&userid=1&queryId=135 .